TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 24 –5– 2018.
V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Thạch Thanh Tâm.
Bà Lâm Thị Xuyên

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích-Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2017/TLST–HNGĐ, ngày 05/12/2017, về "*Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXX-ST, ngày 06/4/2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D.
Địa chỉ: Ấp 2 thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.
-Bị đơn: Ông Trần Văn M.
Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D (bà D) trình bày: Năm 1999 bà D với ông Trần Văn M (ông M) chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn bà D với ông M sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cải nhau, đánh nhau dẫn đến cuộc sống chung không được hạnh phúc. Ông, bà sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Trong quá

trình chung sống bà D với ông M có hai con chung tên Trần Quang V, sinh ngày 20/10/2016 và Trần Minh Q, sinh ngày 16/03/2000 hiện nay đang sinh sống với bà D. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay bà D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà D được ly hôn với ông M.

-Về con chung: Bà D yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Quang V không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diên Viện Kiểm Sát phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng theo triệu tập của tòa án. Tại phiên tòa sơ thâm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Mặc dù Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trần Văn M (ông M) hợp lệ, nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông M vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, Bà Nguyễn Thị Mỹ D không yêu cầu hoãn phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, từ những ý kiến, yêu cầu trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Trần Văn M.

Xét yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D đối với ông Trần Văn M:

- Từ Sau khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần tống đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng như, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định định đưa vụ án ra xét xử cho ông M, nhưng ông M không trả lời thông báo thụ lý, không có mặt theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Mặc dù trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, theo lời khai của bà Trương Thị L là mẹ ruột ông M và bà Lê Thị Thu

Th là lối xóm gần nhà với ông M (Bút lục số 47, 48) thì ông M có mặt tại địa phương và biết việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú đang thụ lý vụ án tranh chấp yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung giữa bà D và ông M. Do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày do ông M thường uống rượu gây gỗ, chửi mắng và bạo hành bà, bà đã bỏ qua nhiều lần nhưng ông M không sửa chữa từ đó nãy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống khiến cho cuộc sống chung của họ không hạnh phúc, ông, bà đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Từ những chứng cứ trên cho thấy trong quá trình chung sống với nhau bà D và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn được. Từ thực trạng đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông M và bà D ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 85, Điều 91, khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ D.

[3] *Về con chung:* Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, là cháu Trần Quang V sinh ngày 20/10/2016 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà D đã không còn chung sống với ông M, ông bà có hai con chung là, cháu Trần Minh Q sinh ngày 16/3/2000 đã thành niên, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ đối với con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Đối với cháu Trần Quang V, hiện nay cháu đang sống với bà D, cuộc sống của cháu V đã ổn định về mọi mặt, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu V. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Trần Quang V cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và hợp lý. Đối với ý kiến của bà D về việc không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Trần Quang V hiện nay đang sống với bà D, bà D có công việc làm ổn định và có thu nhập nên việc tự chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Quang V sẽ không quá khó khăn đối với bà, không làm ảnh hưởng đáng kể đến quyền lợi của con chung của ông M và bà D. Do đó, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà D xác định bà và ông M không có thiếu nợ ai, tài sản chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về quyền kháng cáo bản án:* căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

*** Áp dụng:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; Các Điều 85, Điều 91, khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

*** Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D được ly hôn với ông Trần Văn M.

2. Về quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Quang V, sinh ngày 20 tháng 10 năm 2016. Ông Trần Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trần Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D xác định không có thiếu nợ ai, về tài sản chung không có, không yêu cầu, nên tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000359 ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Trần Văn M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay thì thời gian kháng cáo được tính từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
(Đã ký)		(Đã ký)
Thạch Thanh Tâm	**Lâm Thị Xuyên**	**Nguyễn Trung Hà**